ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | CHĂM SÓC SAU SINH |
| * Mã môn học: | 61073058 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:   ☐ Kiến thức cơ bản  ☑ Kiến thức chuyên ngành  ☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☐ Kiến thức cơ sở ngành  ☐ Kiến thức khác  ☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ: | 2 tín chỉ (1 lý thuyết+ 1 thực hành lab) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 15 tiết lý thuyết/ 4 buổi |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 40 tiết thực hành/ 8 buổi |
| * Môn học tiên quyết: | Chăm sóc thai kỳ bình thường |
| * Môn học song hành: | Không |

1. **Mô tả môn học:**

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về quá trình thay đổi sinh lý bình thường và bất thường có thể xảy ra ở bà mẹ và trẻ sơ sinh trong giai đoạn sau sinh. Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học những kỹ năng thực hành chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh bình thường; xử trí kịp thời các bất thường xảy ra cho mẹ và con sau sinh trong khả năng của người hộ sinh.

1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Bộ môn Phụ sản (2019). *Sản phụ khoa ebook.* Đại học Y dược TP HCM.

[2] Bộ môn Hộ Sinh (2018). *Quy Trình Thực Hành Đào Tạo Hộ Sinh*. Đại học Y dược TP HCM: Nhà xuất bản Y học.

***Tài liệu khác:***

[1] Bộ Y tế (2016). *Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản*. Hà Nội.

[4] Bộ Y tế (2014). *Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam.*

1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | * Mô tả được những dấu hiệu bình thường và bất thường của bà mẹ và trẻ sau sinh. * Mô tả được công việc của người hộ sinh theo dõi và chăm sóc cho bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh. | C2 |
| MT2 | Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc cho mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh. | C2 |
| MT3 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho bà mẹ và sơ sinh sau sinh. | C10 |
| MT4 | Nhận định được dấu hiệu bình thường và bất thường của bà mẹ và sơ sinh sau sinh. | C2 |
| MT5 | Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và thân nhân trong thời kỳ sau sinh. | C4 |

1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Bài kiểm tra | MT1-5 | 30 % |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Bài kiểm tra kỹ thuật | MT1-5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối môn | MT1-5 | 70 % |

**TEST BLUEPRINT – ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ**

| **Mục tiêu** | **Tỉ lệ %**  **Số điểm** | | **Nhớ** | | **Hiểu** | | **Áp dụng** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MT 1** | 20% | 2 | 10% | 1 | 10% | 1 | 0 | 0 |
| **MT2** | 20% | 2 | 0 | 0 | 10% | 1 | 10% | 1 |
| **MT3** | 20% | 2 | 5% | 0.5 | 10% | 1 | 5% | 0.5 |
| **MT4** | 20% | 2 | 0 | 0 | 10% | 1 | 10% | 1 |
| **MT5** | 20% | 2 | 0 | 0 | 10% | 1 | 10% | 1 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10** | **15%** | **1.5** | **50%** | **5** | **25%** | **3.5** |

1. **Nội dung và phương pháp giảng dạy**
   * **Nội dung giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1.Các đặc điểm lâm sàng và sinh lý của thời kỳ sau sinh. | 2 | 4 | MT1 | A1,A3 |
| 2.Chăm sóc bà mẹ thời kỳ hậu sản | 2 | 3 | MT1,3,4 | A1,A3 |
| 3.Chăm sóc trẻ trong thời kỳ sơ sinh. | 2 | 4 | MT1,3,4 | A1,A3 |
| 4. Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ | 4 | 8 | MT5 | A1,A3 |
| 5.Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ | 3 | 6 | MT1,3,5 | A3 |
| 6.Rối loạn tâm thần sau đẻ | 2 | 4 | MT1,4,5 | A3 |
| **Tổng cộng** | **15** | **30** |  |  |

**Thực hành**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1.Chăm sóc bà mẹ thời kỳ hậu sản: khám tổng quát, đo BCTC, chăm sóc vết may TSM /vết mổ lấy thai, sản dịch, vú, vận động … | 8 | 16 | MT2,MT3,MT4 | A2 |
| 2. Rửa âm hộ có vết may TSM | 8 | 16 | MT2,MT3,MT4 | A2 |
| 3. Chăm sóc vết mổ lấy thai vô trùng | 4 | 8 | MT2,MT3,MT4 | A2 |
| 4. Giúp mẹ cho bé bú đúng | 4 | 8 | MT2, MT5 | A2 |
| 5. Tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho gia đình và bà mẹ sau sinh. | 8 | 16 | MT5 | A2 |
| 6. Vắt sữa bằng tay | 4 | 8 | MT2,MT3 | A2 |
| 7. Tắm trẻ hằng ngày | 4 | 8 | MT2,MT3 | A2 |
| **Tổng cộng** | **40** | **80** |  |  |

* **Phương pháp và phương tiện giảng dạy**
* Thuyết trình, động não, chia theo cặp, nhóm, dựa trên vấn đề.
* Máy chiếu, tranh ảnh, mô hình, dụng cụ.

1. **Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ – ĐHYD và quyết định số 5152/QĐ - ĐHYD sinh viên phải:

* Phải dự đủ các buổi học thực hành.
* Điểm tổng kết môn học = (điểm (A1,A2)\* 30% +A3\* 70%)

Trong đó:

* A 1: Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 15%.
* A 2: Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 15%.
* A 3: Điểm thi cuối môn, trọng số 70%. Bài thi lý thuyết (trắc nghiệm hay tự luận)

*(Tất cả các điểm được đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân, riêng điểm môn học sau đó sẽ được chuyển thành điểm chữ theo quy định của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ)*

1. **Phụ trách môn học**

* Khoa/ Bộ môn: Hộ sinh, Khoa Điều Dưỡng kỹ thuật y học.
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Q5 hoặc BM Hộ sinh lầu 3 khu KTX BV Từ Dũ.
* Điện thoại liên hệ: 02835000475

ĐẠI HỌC Y DƯỢC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KHOA ĐIỀU DƯỠNG – KỸ THUẬT Y HỌC**

**BỘ MÔN HỘ SINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 2021*

**LỊCH HỌC**

**CHĂM SÓC SAU SINH**

**Lớp Cử Nhân Hộ sinh chính quy 2019 – số lượng sinh viên: 105**

**Năm học: 2021 - 2022**

Địa điểm: Khoa Điều Dưỡng – Kỹ Thuật Y Học, 201 Nguyễn Chí Thanh Q.5

**Phần lý thuyết**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **ngày** | **Giảng viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1. Chăm sóc bà mẹ thời kỳ hậu sản | 2 | 4 |  | Lê Thị Kim Phấn |
| 2. Chăm sóc trẻ 4 tuần đầu sau sinh | 2 | 3 |
| 3. Nuôi con bằng sữa mẹ | 2 | 4 |  | Nguyễn Thị Hoàn |
| 4. Các bất thường của vú trong thời kỳ nuôi con bằng sữa mẹ | 3 | 8 |  |
| 5. Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ | 4 | 6 |  | Lê Thị Kim Phấn |
| 6. Rối loạn tâm thần sau đẻ | 2 | 4 |  | Nguyễn Thị Hoàn |
| **Tổng cộng** | **15** | **30** |  |  |

**Phần thực hành**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **ngày** | **Giảng viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1.Chăm sóc bà mẹ thời kỳ hậu sản: khám tổng quát, đo BCTC, chăm sóc vết may TSM /vết mổ lấy thai, sản dịch, vú, vận động … | 8 | 16 |  | Phấn HoànÁnh |
| 2. Rửa âm hộ có vết may TSM | 8 | 16 |  | Phấn HoànÁnh |
| 3. Chăm sóc vết mổ lấy thai vô trùng | 4 | 8 |  | Phấn HoànÁnh |
| 4. Giúp mẹ cho bé bú đúng | 4 | 8 |  | Phấn HoànÁnh |
| 5. Tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho gia đình và bà mẹ sau sinh. | 8 | 16 |  | Phấn HoànÁnh |
| 6. Vắt sữa bằng tay | 4 | 8 |  | Phấn HoànÁnh |
| 7. Tắm trẻ hằng ngày | 4 | 8 |  | Phấn HoànÁnh |
| **Tổng cộng** | **40** | **80** |  |  |